

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÔNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST  
Ngày 30 - 9 - 2021  
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Hồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Lệ Chi; Ông Rmah In.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:* Ông Lâm Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự số 64/2021/DSST ngày 21 tháng 6 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị X, sinh năm 1970,.

Địa chỉ: 24 Nguyễn H, TDP B, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

***Bị đơn:*** Bà Trần Thị Quỳnh A, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2021, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị X, trình bày:*

Vào ngày 07/11/2018 (tức ngày 01/10/2018 âm lịch) tôi có cho vợ chồng bà Trần Thị Quỳnh A và ông Trần Ng vay số tiền 22.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày là 01/10/2019. Khi vay thì chỉ có mặt bà A, không có mặt ông N. Mục đích vay là bà A nói mang về cho chồng đi chữa bệnh.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông Trần N và bà Trần Thị Quỳnh A vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù tôi cũng đã tạo điều kiện rất nhiều để ông bà xoay xở trả nợ nhưng ông bà vẫn cố tình không trả. Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Trần N và bà Trần Thị Quỳnh A trả toàn bộ số tiền gốc là 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) và lãi suất quá hạn do ông bà đã vi phạm thời hạn trả nợ nên tôi yêu cầu tính 0,83%/tháng, lãi tạm tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/6/2021 là 19 tháng với số tiền 3.469.400 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2021 và trong quá trình tiến hành tố tụng, bà Trần Thị Quỳnh A trình bày:*

Vào ngày 01/10/2018 âm lịch (tức ngày 07/11/2018 dương lịch), tôi có vay của bà Phạm Thị X số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) (trong đó 15.000.000 đồng tiền gốc và 7.000.000 đồng tiền lãi). Mục đích vay là để đưa cho con gái đưa cháu ngoại đi chữa bệnh. Thời hạn trả nợ là ngày 01/10/2019 sẽ trả. Khi vay tôi có cầm cố cho bà X một sổ hộ khẩu gia đình và 01 bìa đỏ số BS 142884. Lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 10.000đ/1.000.000đ/ngày.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng do tôi sức khỏe yếu nên không làm tiền để trả nợ, trong nhà được một chiếc xe máy cũng bán để trả nợ cho bà X. Nay bà X làm đơn khởi kiện yêu cầu tôi trả toàn bộ số tiền 22.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/6/2021 là 3.469.400 đồng thì tôi không có khả năng xoay xở để trả tiền.

Tôi có nguyện vọng để hết 05 tháng tiếp theo này trả hết cho em trai bà X là anh Phạm Văn C, hết 05 tháng này thì tôi sẽ trả một tháng trả một triệu cho bà X cho đến khi trả hết nợ. Còn tiền lãi thì tôi xin bà X không tính lãi.

Khi vay số tiền này thì chồng tôi là ông Trần N hoàn toàn không biết. Tôi sẽ đứng ra chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho bà X, không yêu cầu chồng tôi cùng cùng trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa bà X với bà A, nhưng hòa giải không thành.

Tài liệu chứng cứ trong vụ án: bà X cung cấp Giấy mượn tiền ngày 01/10/2018 có chữ ký của bà Trần Thị Quỳnh A. Giấy in sẵn là Giấy đặt cọc nhà đất nhưng đã bị xóa chữ giấy đặt cọc nhà đất ghi lại thành Giấy mượn tiền.

Tại phiên tòa hôm nay tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc bà Trần Thị Quỳnh A phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày xét xử sơ

thảm là 30/9/2021 là 23 tháng, lãi suất tính 0,83%/tháng với số tiền 4.200.000đ. Ngày đến hạn trả nợ là ngày 01/10/2019 nhưng sau đó tôi có thỏa thuận cho bà A thời hạn 01 tháng để trả nợ là ngày 01/11/2019 nên tôi chỉ yêu cầu tính từ ngày 01/11/2019. Tại thời điểm cho vay, do lúc đó không có giấy trắng nên tôi có lấy tờ giấy đặt cọc nhà đất in sẵn rồi xóa chữ giấy đặt cọc nhà đất và viết thành giấy mượn tiền. Việc vay nợ chỉ có bà A ký nhận, ông Trần N không ký nhận và cũng không biết nên tôi chỉ yêu cầu bà A phải trả nợ. Tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu ông Trần N (chồng bà A) có trách nhiệm cùng liên đới trả nợ.

Bị đơn: Bà Trần Thị Quỳnh A vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của BLTTDS.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 274, 275, 280, 463, 466, 470 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị Quỳnh A phải trả cho bà Phạm Thị X số tiền vay nợ gốc là 22.000.000đ và lãi suất phát sinh với số tiền là 4.200.000đ. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Trần N phải liên đới cùng bà A trả nợ của nguyên đơn xin rút tại phiên tòa.

Bà Trần Thị Quỳnh A phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật:* Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị X với bà Trần Thị Quỳnh A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa án đã tiến hành giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung:* Tại bản tự khai và quá trình tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay đều thấy rằng: Vào ngày 07/11/2018 (tức ngày 01/10/2018 âm lịch) bà X có cho bà Trần Thị Quỳnh A vay số tiền 22.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tờ viết tay có bà A ký nhận và thời hạn trả nợ là ngày là 01/10/2019, không thỏa thuận lãi suất. Khi vay thì chỉ có mặt bà A, không có mặt ông N (chồng bà A). Do đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà A và ông N vẫn không chịu trả. Bà X đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Trần N và bà Trần Thị Quỳnh A trả toàn bộ số tiền gốc là 22.000.000đ và lãi suất quá hạn do ông bà đã vi phạm thời hạn trả nợ nên tôi yêu cầu tính 0,83%/tháng, lãi tạm tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 30/9/2021 là 23 tháng với số tiền 4.200.000 đồng. Ngày đến hạn là 01/10/2019 nhưng do không trả được nợ nên bà X gia hạn cho bà A thêm thời hạn một tháng để thu xếp tiền trả nợ nhưng bà A vẫn không trả nên bà X chỉ tính lãi từ ngày 01/11/2019.

Bị đơn, cho rằng có ký vào giấy vay số tiền 22.000.000đ nhưng chỉ có 17.000.000đ tiền nợ gốc và 5.000.000đ là tiền lãi bà X ghi chung và đã trả lãi được nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể. Quá trình hòa giải bà A chấp nhận trả 22.000.000 đồng nợ gốc, đồng thời xin bà X tiền lãi do hoàn cảnh khó khăn nhưng bà X không đồng ý. Bà A không cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh cho ý kiến của mình nên không có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà X, cung cấp được 01 giấy mượn tiền ngày 07/11/2018 (tức ngày

01/10/2018 AL) với số tiền nợ gốc là 22.000.000đ và được bà A thừa nhận có ký nhận, trong thời hạn vay các bên không tính lãi suất, bà X yêu cầu tính từ ngày quá hạn với mức lãi suất 0,83%/tháng nhưng bà A không chấp nhận và xin lỗi. HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ nên cần được chấp nhận toàn bộ. Buộc bà Trần Thị Quỳnh A phải có trách nhiệm trả cho bà X số tiền 26.200.000 đồng. Trong đó: nợ gốc 22.000.000đ và lãi suất phát sinh tính từ ngày quá hạn là ngày 01/11/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2021) là 4.200.000đ. (từ ngày 01/11/2019 đến ngày 30/9/2021 là 23 tháng:  $22.000.000đ \times 0,83\% \times 23 \text{ tháng} = 4.200.000đ$ ) (làm tròn số).

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Trần N cùng liên đới trả nợ của nguyên đơn, do nguyên đơn rút yêu cầu.

Đối với sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 142884, việc bà A đưa cho bà X để làm tin, các đương sự không yêu cầu giải quyết, việc cầm cố không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để giải quyết triệt để vụ án, việc bà A tự nguyện giao cho bà X để làm tin vay tiền nên sau khi bà A trả đủ tiền thì bà X phải có trách nhiệm trả lại cho bà A là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận nên buộc bà A phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là  $(26.200.000đ \times 5\%) 1.310.000$  đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà X là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 220; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị Quỳnh A phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị X số tiền vay nợ là 26.200.000đ (*Hai mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng*). Trong đó: nợ gốc là 22.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính từ ngày 01/11/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2021) là 4.200.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

Ngay sau khi bà A trả đủ tiền thì bà X phải trả lại cho bà A 01 sổ hộ khẩu gia đình và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 142884.

*Về án phí:* Buộc bà Trần Thị Quỳnh A phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.310.000 đồng (Một triệu ba trăm mười nghìn đồng). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Không Bông.

Trả lại cho bà Phạm Thị X số tiền 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Không Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0004827 ngày 18/6/2021.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Không Bông;
- THADS H Không Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Hồi**